



jué dìng quán
决定权

noun · decision-making power

Example Sentences

zhè jiàn shì de jué dìng quán zài jīng lǐ shǒu lǐ
这件事的决定权在经理手里。

The decision-making power for this matter is
in the manager's hands.

měi gè gōng mín dōu yǒu tóu piào de jué dìng quán
每个公民都有投票的决定权。

Every citizen has the decision-making power
to vote.

Trace each character, then write the word on your own.

决	决	决	决	决	决	决	决	决		
定	定	定	定	定	定	定	定	定	定	定
权	权	权	权	权	权	权	权	权		